

Bản án số:18/2018/DS-ST

Ngày 21 tháng 11 năm 2018

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Quân

2. Bà Hoàng Thị Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018TLST -DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXX – DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền Th – Trưởng phòng thu hồi nợ (theo văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017).

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1989, có mặt

Địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền số 290/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/8/2018).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Th, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thảo trình bày:

Ngày 20/9/2012 Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) V đã ký Hợp đồng tín dụng số: 20120920-129027-0003 với ông Nguyễn Văn S. Theo đó, ngân hàng chấp thuận cho ông Sáu vay số tiền là 44.000.000đ (*bốn mươi bốn triệu đồng chẵn*). Mục đích vay: Mua xe mô tô 2 bánh. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất 5%/tháng. Hình thức vay: Vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Phương thức trả nợ: Trả chậm trong vòng 24 tháng, tổng số tiền ông Sáu phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 24 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 77.638.000đ (*bảy mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng*), cụ thể là: Trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 3.236.000đ, tháng cuối cùng trả 3.210.000đ, kỳ thanh toán vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/10/2012.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông Sáu đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho ngân hàng được 16 lần với tổng số tiền là 51.776.000đ (*Năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), trong đó nợ gốc đã trả là 23.229.268đ, nợ lãi đã trả là 28.546.732đ. Kể từ ngày 22/01/2014 ông Nguyễn Văn S không thanh toán thêm khoản nào cho ngân hàng, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Sáu trả nợ nhưng ông S vẫn không trả.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ngân hàng V tổng số tiền còn nợ lại tính đến ngày 20/8/2018 là 25.862.000đ trong đó nợ gốc là 20.770.732đ, nợ lãi là 5.091.268đ. Nếu ông S chậm trả cho ngân hàng số tiền trên thì ngân hàng yêu cầu ông S phải trả tiền lãi với khoản chậm trả theo Bộ Luật dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai Tòa án đều thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự tố tụng và hợp pháp nhưng ông Nguyễn Văn S đều từ chối nhận văn bản và không hợp tác làm việc.

Ngày 08/10/2018 Tòa án nhân dân huyện L phối hợp với chính quyền địa phương vào gia đình ông Nguyễn Văn S để làm việc nhưng ông S từ chối làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông S xác định đã trả hết số nợ cho ngân hàng và cho cán bộ Tòa án chụp ảnh 01 giấy bán xe kiêm nhận nợ và 15 bản chứng nhận nộp tiền, ông S từ chối việc nộp cho Tòa án các tài liệu này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, các lần Tòa án báo gọi có tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự tố tụng và hợp pháp nhưng bà Dương Thị Th đều từ chối nhận văn bản và không hợp tác làm việc, các lần báo gọi bà Th đều không có mặt thể hiện sự trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn S và vợ là Dương Thị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng do đó có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi còn nợ lại là 25.862.000đ trong đó nợ gốc là 20.770.732đ, nợ lãi là 5.091.268đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018 của Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Th đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 199, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông S và bà Th.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung vụ án: Theo nội dung hợp đồng tín dụng số: 20120920-129027-0003 ngày 20/9/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn S thì ngân hàng cho ông Nguyễn Văn S vay số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng), số tiền này ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay và giải ngân theo

đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền ông S phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 24 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 77.638.000đ (bảy mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng). Kể từ khi vay vốn cho đến nay ngân hàng xác định ông S đã trả cho ngân hàng được 16 lần với tổng số tiền là 51.776.000đ (Năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc đã trả là 23.229.268đ (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi đã trả là 28.546.732đ (Hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng). Số tiền ông S còn nợ ngân hàng tính đến ngày 20/8/2018 là 25.862.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 20.770.732đ (Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng), nợ lãi là 5.091.268đ (Năm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

Đối với ông Nguyễn Văn S, khi Tòa án vào gia đình ông Sáu để làm việc nhưng cả hai vợ chồng ông S đều từ chối làm việc, ông Sáu và bà Th đều xác định có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền trên để mua xe mô tô, nhưng hai vợ chồng ông xác nhận đã trả hết nợ cho ngân hàng. Việc ông S là người đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng, nhưng ông sử dụng số tiền này vào việc mua xe chung của hai vợ chồng, cả ông S và bà Th đều thừa nhận có vay Ngân hàng TMCP V số tiền trên, chính bà Th là người cho Tòa án xem các biên lai ông bà đã trả cho ngân hàng. Như vậy, cần xác định đây là số nợ chung của vợ chồng ông S, bà Th. Ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị Th biết rõ việc Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện ông Sáu về việc vay nợ nhưng ông S và bà Th đều không hợp tác làm việc thể hiện sự trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện đúng nghĩa vụ. Phía ông S, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, việc ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Văn S phải trả số tiền còn nợ lại là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị Th trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ lại là 25.862.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 20.770.732đ, nợ lãi là 5.091.268đ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 24, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ lại là 25.862.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 20.770.732 đồng, nợ lãi là 5.091.268 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị Th phải chịu 1.293.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số:AA/2016/0004805 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKS huyện L;
- THA L.
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp